

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/7/2024.

V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lương Thị Hồng Hạnh.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 395/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2023, về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thị Q - sinh năm 1982, có mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Danh C - sinh năm 1982, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2023, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Thị Q như sau:

Bà sống chung với ông Danh C vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện nhưng không có tổ chức đám cưới, sau đó vợ chồng bà đã đăng ký kết hôn theo quy định

của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 26/7/2008.

Vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, khác biệt trong cách sống, quan điểm sống nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng thường xuyên cãi vã và ông Danh C đánh bà nhiều lần, hơn nữa, mỗi lần bà mang thai thì ông C bỏ nhà đi hơn 01 năm mới quay về. Vợ chồng bà đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và bà không còn tình cảm yêu thương đối với ông Danh C nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Danh C.

Thời gian chung sống vợ chồng bà có 03 người con chung tên Danh H – sinh ngày 12/7/2001, Danh Hoàng A – sinh ngày 06/10/2004 và Danh Hoàng L – sinh ngày 19/9/2007.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng bà không có nợ chung.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Danh C.

Về con chung: Hiện các con chung tên Danh H – sinh ngày 12/7/2001, Danh Hoàng A – sinh ngày 06/10/2004 đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà xin nuôi người con chung tên Danh Hoàng L – sinh ngày 19/9/2007 và không yêu cầu ông Danh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Danh C trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà Thị Q về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn, theo ông thì vợ chồng ông không có mâu thuẫn, những mâu thuẫn mà bà Q trình bày là không có. Vợ chồng ông đi bán vé số, sáng ông chở vợ đi chiều thì ông bán vé số và chạy xe ôm chở vợ về, khi ông nói thì vợ

chồng gây lộn và bà Q xuống nhà mẹ ở. Bà Q còn thưa ông ra công an ấp nói ông đánh, rồi dọn đi nhà người em sống mấy tháng nay.

Nguyên vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà Thị Q.

Về con chung: Hiện các con chung tên Danh H – sinh ngày 12/7/2001, Danh Hoàng A – sinh ngày 06/10/2004 đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với người con chung tên Danh Hoàng L – sinh ngày 19/9/2007 ông yêu cầu con theo ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Thị Q yêu cầu được ly hôn với ông Danh C và yêu cầu được nuôi con chung tên Danh Hoàng L – sinh ngày 19/9/2007, bà không yêu cầu ông Danh C cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Thị Q và ông Danh C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Danh C vắng mặt 02 lần không có lý do, xét thấy việc vắng mặt của ông C không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt ông Danh C.

[2] Về hôn nhân: Bà Thị Q và ông D Chăm sống chung với nhau vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện nhưng không có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 94, ngày 26/7/2008, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn

nhân của bà Thị Q và ông Danh C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà Thị Q và ông Danh C là hôn nhân tự nguyện, vợ chồng ông bà có ba người con chung nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Bà Thị Q cho rằng do tính tình không hợp nhau, khác biệt trong cách sống, quan điểm sống nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng thường xuyên cãi vã và ông Danh C có hành vi bạo lực đối với bà nhiều lần. Vợ chồng bà đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Trong thời gian ly thân bà và ông Danh C không hàn gắn được vì từ khi ly thân đến nay bà không liên lạc với ông Danh C vì bản thân bà không muốn hàn gắn. Tuy ông Danh C không đồng ý ly hôn và không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông cũng thừa nhận rằng bà Thị Q đã dọn đi nơi khác sinh sống. Ngày 27/12/2023, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng bà Thị Q cương quyết ly hôn với ông Danh C. Xét thấy, sau khi hòa giải Tòa án đã dành cho vợ chồng ông bà thời gian trên 06 tháng để vợ chồng ông bà tự hàn gắn. Tuy nhiên, vợ chồng bà Thị Q và ông Danh C vẫn không hàn gắn được và đã sống ly thân với nhau tính đến ngày xét xử khoảng hơn 01 năm. Trong thời gian này, ông Danh C và bà Thị Q không tìm được tiếng nói chung, bản thân bà Thị Q đã chủ động cắt đứt mọi liên lạc với ông D Chăm điều đó chứng minh bà Thị Q không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Tại phiên tòa, bà Thị Q cương quyết xin ly hôn với ông Danh C và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông Danh C, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thị Q.

[4] Về con chung: Bà Thị Q và ông Danh C có 03 người con chung tên Danh H – sinh ngày 12/7/2001, Danh Hoàng A – sinh ngày 06/10/2004 và Danh Hoàng L – sinh ngày 19/9/2007. Hiện Danh H và Danh Hoàng A đều trưởng thành có cuộc sống riêng, ông C và bà Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người con chung tên Danh Hoàng L, ông Danh C yêu cầu con theo ai thì đó nuôi. Bà Thị Q xin nuôi con chung và cháu Danh Hoàng L cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ nên căn cứ Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Thị Q.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thị Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà Thị Q và ông Danh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về nợ chung: Bà Thị Q và ông Danh C cam kết vợ chồng ông bà không có nợ chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Thị Q phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0000783, ngày 17/10/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Thị Q đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Về án phí cấp dưỡng nuôi con bà Thị Q phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị Q.

Về hôn nhân: Xử cho bà Thị Q và ông Danh C được ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao cháu Danh Hoàng L – sinh ngày 19/9/2007 cho bà Thị Q nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Danh C được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giá dục con chung. Không ai được phép cản trở ông thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Thị Q phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0000783, ngày 17/10/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang